

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Tổng hợp nhanh hộ thành thị
(Dùng cho phường, thị trấn)

Tỉnh/thành phố:

Huyện/quận/thị xã/thành phố:

Phường/thị trấn:

	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia ra		
				Địa bàn: ...	Địa bàn:
A	B	C	1	2	3	4
Mã địa bàn	x	x	x			
1. Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ	Người	01				
2. Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ từ 15 tuổi trở lên	Người	02				
3. Nguồn thu nhập lớn nhất của hộ	Hộ	03				
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	“	04				
- Công nghiệp, xây dựng	“	05				
- Thương nghiệp, vận tải, dịch vụ khác còn lại	“	06				
- Nguồn khác	“	07				
4. Loại hộ	Hộ	08				
- Hộ nông nghiệp (mã 1)	“	09				
- Hộ lâm nghiệp (mã 2)	“	10				
- Hộ thủy sản (mã 3)	“	11				
- Hộ diêm nghiệp (mã 4)	“	12				
- Hộ công nghiệp (mã 5)	“	13				
- Hộ xây dựng (mã 6)	“	14				
- Hộ thương nghiệp (mã 7)	“	15				
- Hộ vận tải (mã 8)	“	16				
- Hộ dịch vụ khác còn lại (mã 9)	“	17				
- Hộ khác (mã 10)	“	18				

	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia ra		
				Địa bàn: ...	Địa bàn:
A	B	C	1	2	3	4
5. Trâu	con	19				
6. Bò	"	20				
7. Lợn/heo	"	21				
8. Gà	"	22				
9. Vịt	"	23				
10. Ngan/vịt xiêm, ngỗng	"	24				

Ngày tháng năm 2016

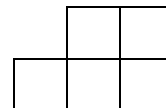
Ban chỉ đạo Tổng điều tra phường, thị trấn
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Tổng hợp nhanh hộ thành thị, nông thôn
(Dùng cho cấp huyện, tỉnh)

Tỉnh/thành phố:

Huyện/quận/thị xã/thành phố:



A	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia ra		
				2	3	...
	B	C	1	2	3	4
1. Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ	Người	01				
2. Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ từ 15 tuổi trở lên	Người	02				
3. Nguồn thu nhập lớn nhất của hộ	Hộ	03				
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	“	04				
- Công nghiệp, xây dựng	“	05				
- Thương nghiệp, vận tải, dịch vụ khác còn lại	“	06				
- Nguồn khác	“	07				
4. Loại hộ	Hộ	08				
- Hộ nông nghiệp (mã 1)	“	09				
- Hộ lâm nghiệp (mã 2)	“	10				
- Hộ thủy sản (mã 3)	“	11				
- Hộ diêm nghiệp (mã 4)	“	12				
- Hộ công nghiệp (mã 5)	“	13				
- Hộ xây dựng (mã 6)	“	14				
- Hộ thương nghiệp (mã 7)	“	15				
- Hộ vận tải (mã 8)	“	16				
- Hộ dịch vụ khác còn lại (mã 9)	“	17				
- Hộ khác (mã 10)	“	18				

	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia ra		
						...
A	B	C	1	2	3	4
5. Trâu	con	19				
6. Bò	"	20				
7. Lợn/heo	"	21				
8. Gà	"	22				
9. Vịt	"	23				
10. Ngan/vịt xiêm, ngỗng	"	24				

Ngày tháng năm 2016
Ban chỉ đạo Tổng điều tra ...
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Tổng hợp nhanh hộ thành thị
(Dùng cho cấp huyện, tỉnh)

Tỉnh/thành phố:

Huyện/quận/thị xã/thành phố:

A	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia ra		
				2	3	...
	B	C	1	2	3	4
1. Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ	Người	01				
2. Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ từ 15 tuổi trở lên	Người	02				
3. Nguồn thu nhập lớn nhất của hộ	Hộ	03				
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	“	04				
- Công nghiệp, xây dựng	“	05				
- Thương nghiệp, vận tải, dịch vụ khác còn lại	“	06				
- Nguồn khác	“	07				
4. Loại hộ	Hộ	08				
- Hộ nông nghiệp (mã 1)	“	09				
- Hộ lâm nghiệp (mã 2)	“	10				
- Hộ thủy sản (mã 3)	“	11				
- Hộ diêm nghiệp (mã 4)	“	12				
- Hộ công nghiệp (mã 5)	“	13				
- Hộ xây dựng (mã 6)	“	14				
- Hộ thương nghiệp (mã 7)	“	15				
- Hộ vận tải (mã 8)	“	16				
- Hộ dịch vụ khác còn lại (mã 9)	“	17				
- Hộ khác (mã 10)	“	18				

	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia ra		
						...
A	B	C	1	2	3	4
5. Trâu	con	19				
6. Bò	"	20				
7. Lợn/heo	"	21				
8. Gà	"	22				
9. Vịt	"	23				
10. Ngan/vịt xiêm, ngỗng	"	24				

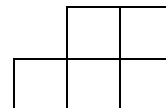
Ngày tháng năm 2016
Ban chỉ đạo Tổng điều tra ...
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, 2 NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Tổng hợp nhanh hộ nông thôn
(Dùng cho cấp huyện, tỉnh)

Tỉnh/thành phố:

Huyện/quận/thị xã/thành phố:



	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia ra		
				2	3	...
A	B	C	1	2	3	4
1. Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ	Người	01				
2. Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ từ 15 tuổi trở lên	Người	02				
3. Nguồn thu nhập lớn nhất của hộ	Hộ	03				
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	“	04				
- Công nghiệp, xây dựng	“	05				
- Thương nghiệp, vận tải, dịch vụ khác còn lại	“	06				
- Nguồn khác	“	07				
4. Loại hộ	Hộ	08				
- Hộ nông nghiệp (mã 1)	“	09				
- Hộ lâm nghiệp (mã 2)	“	10				
- Hộ thủy sản (mã 3)	“	11				
- Hộ diêm nghiệp (mã 4)	“	12				
- Hộ công nghiệp (mã 5)	“	13				
- Hộ xây dựng (mã 6)	“	14				
- Hộ thương nghiệp (mã 7)	“	15				
- Hộ vận tải (mã 8)	“	16				
- Hộ dịch vụ khác còn lại (mã 9)	“	17				
- Hộ khác (mã 10)	“	18				

	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia ra		
						...
A	B	C	1	2	3	4
5. Trâu	con	19				
6. Bò	"	20				
7. Lợn/heo	"	21				
8. Gà	"	22				
9. Vịt	"	23				
10. Ngan/vịt xiêm, ngỗng	"	24				

Ngày tháng năm 2016
Ban chỉ đạo Tổng điều tra ...
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

**KẾT QUẢ TÍNH TOÁN CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP NHANH
HỘ NÔNG THÔN**

(Dùng cho cấp huyện, tỉnh)

Tên đơn vị tổng hợp:.....

	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia ra		
A	B	C	1	2	...	
1. Số nhân khẩu bình quân 1 hộ	người	01				
2. Số nhân khẩu từ 15 tuổi trở lên bình quân 1 hộ	"	02				
3. Cơ cấu theo loại hộ	%	03	100,0	100,0	100,0	100,0
- Hộ nông nghiệp	"	04				
- Hộ lâm nghiệp	"	05				
- Hộ thủy sản	"	06				
- Hộ diêm nghiệp		07				
- Hộ công nghiệp	"	08				
- Hộ xây dựng	"	09				
- Hộ thương nghiệp	"	10				
- Hộ vận tải	"	11				
- Hộ dịch vụ khác còn lại	"	12				
- Hộ khác	"	13				
4. Cơ cấu hộ theo nguồn thu nhập lớn nhất	%	14	100,0	100,0	100,0	100,0
- Hộ có thu nhập lớn nhất từ nông, lâm nghiệp, thủy sản	"	15				
- Hộ có thu nhập lớn nhất từ công nghiệp, xây dựng	"	16				
- Hộ có thu nhập lớn nhất từ thương nghiệp, vận tải, dịch vụ khác còn lại	"	17				
- Hộ có thu nhập lớn nhất từ nguồn khác	"	18				

Ngày..... tháng..... năm 2016
Ban chỉ đạo Tổng điều tra.....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

TỔNG HỢP NHANH HỘ
(Dùng cho cấp huyện, tỉnh)

Tên đơn vị:

	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia ra	
				Thành thị	Nông thôn
A	B	C	1	2	3
1. Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ	Người	01			
2. Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ từ 15 tuổi trở lên	Người	02			
3. Nguồn thu nhập lớn nhất của hộ	Hộ	03			
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	“	04			
- Công nghiệp, xây dựng	“	05			
- Thương nghiệp, vận tải, dịch vụ khác còn lại	“	06			
- Nguồn khác	“	07			
4. Loại hộ	Hộ	08			
- Hộ nông nghiệp (mã 1)	“	09			
- Hộ lâm nghiệp (mã 2)	“	10			
- Hộ thủy sản (mã 3)	“	11			
- Hộ diêm nghiệp (mã 4)	“	12			
- Hộ công nghiệp (mã 5)	“	13			
- Hộ xây dựng (mã 6)	“	14			
- Hộ thương nghiệp (mã 7)	“	15			
- Hộ vận tải (mã 8)	“	16			
- Hộ dịch vụ khác còn lại (mã 9)	“	17			
- Hộ khác (mã 10)	“	18			
5. Trâu	con	19			
6. Bò	"	20			
7. Lợn/heo	"	21			
8. Gà	"	22			
9. Vịt	"	23			
10. Ngan/vịt xiêm, ngỗng	"	24			

Ngày tháng năm 2016

Ban chỉ đạo Tổng điều tra

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

